

B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Kiểm tra bài cũ

GV kiểm tra xem HS đã thuộc ba quy tắc tính giá trị của biểu thức đã học chưa. Chẳng hạn, có thể cho mỗi HS nêu lại một quy tắc, rồi cho mỗi HS khác nêu lại cả ba quy tắc, động viên HS nêu nhanh, nêu đúng.

2. Thực hành

Trước khi cho HS làm các bài tập 1 và 2, GV có thể gợi ý để HS sơ bộ nêu được cách tiến hành tính giá trị của biểu thức là :

+ Xem trong biểu thức có các phép tính nào.

+ Vận dụng quy tắc đã học để xác định phép tính nào cần thực hiện trước, phép tính nào thực hiện sau.

+ Tính toán cụ thể theo thứ tự trên và trình bày theo mẫu đã học.

Bài 1 : – GV giúp HS tính giá trị của một, hai biểu thức. Chẳng hạn :

$$125 - 85 + 80$$

+ GV cho HS nêu các phép tính có trong biểu thức (phép trừ và phép cộng).

+ Một HS khác vận dụng quy tắc tương ứng nêu cách làm cụ thể : lấy 125 trừ đi 85 trước, được kết quả thì cộng với 80.

+ GV cho HS tính nhẩm hoặc tính ra nháp rồi thông báo kết quả, lần lượt ghi vào trong bài : 125 trừ 85 bằng 40 (viết "= 40"), 40 cộng 80 (viết tiếp "+ 80") bằng 120 (viết 120 ở chỗ sau dấu bằng của dòng dưới).

– GV cho HS tự làm phần còn lại rồi chữa bài.

$$\begin{array}{l} 21 \times 2 \times 4 = 42 \times 4 ; \quad 68 + 32 - 10 = 100 - 10 ; \quad 147 : 7 \times 6 = 21 \times 6 \\ \quad \quad \quad = 168 \quad \quad \quad \quad \quad = 90 \quad \quad \quad \quad \quad \quad \quad = 126 \end{array}$$

Bài 2 : GV tiến hành tương tự như bài 1.

$$\begin{array}{l} \text{a) } 375 - 10 \times 3 = 375 - 30 \quad \quad \quad 64 : 8 + 30 = 8 + 30 \\ \quad \quad \quad = 345 \quad \quad \quad \quad \quad \quad \quad = 38 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{b) } 306 + 93 : 3 = 306 + 31 \quad \quad \quad 5 \times 11 - 20 = 55 - 20 \\ \quad \quad \quad = 337 \quad \quad \quad \quad \quad \quad \quad = 35 \end{array}$$

Bài 3 : GV cho HS tự làm bài rồi chữa bài.

Bài 4 : HS nêu theo mẫu :

Ví dụ : "Số 90 là giá trị của biểu thức $70 + 60 : 3$ " ; HS cũng có thể nêu : "Biểu thức $70 + 60 : 3$ có giá trị là 90".

(GV có thể cho HS tự viết lời phát biểu vào vở hoặc nêu miệng trước lớp).

Chú ý : GV có thể chuyển bài tập này thành bài tập nối biểu thức với giá trị của nó. GV viết bài tập vào bảng phụ và yêu cầu HS nối biểu thức với giá trị tương ứng của nó.

● 81. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC (tiếp theo)

A – MỤC TIÊU

Giúp HS : Biết tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc () và ghi nhớ quy tắc tính giá trị của biểu thức dạng này.

B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. GV nêu quy tắc tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc

– Đây là những quy ước của toán học nhưng GV có thể tìm cách dẫn dắt đến quy tắc một cách tương đối tự nhiên.

+ GV viết biểu thức $30 + 5 : 5$ (chưa có dấu ngoặc) lên bảng rồi cho HS nêu thứ tự các phép tính cần làm : thực hiện phép tính chia ($5 : 5$) trước rồi thực hiện phép cộng sau.

+ GV nêu tiếp : Muốn thực hiện phép tính $30 + 5$ trước rồi mới chia cho 5 sau, ta có thể kí hiệu như thế nào ?

HS thảo luận (học sinh có thể đề nghị các cách khác nhau như : khoanh vào $30 + 5$, vạch dưới,...)

Chẳng hạn :

$$\textcircled{30 + 5} : 5$$

$$\boxed{30 + 5} : 5$$

$$\underline{30 + 5} : 5$$

$$\underbrace{30 + 5} : 5$$

GV nêu cách kí hiệu thống nhất : Muốn thực hiện phép tính $30 + 5$ trước rồi mới chia cho 5 sau, người ta viết thêm kí hiệu dấu ngoặc () vào như sau :